

Số: 05 /2022/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 13 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 (giai đoạn I đến năm 2025) trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu*



*chỉ, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (giai đoạn I đến năm 2025) trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 78/BC-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (giai đoạn I đến năm 2025) trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Chương trình).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thành phố Cà Mau; cấp xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình.

### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể theo Kế hoạch 05 năm thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phân bổ vốn thực hiện Chương trình đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác.
3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình. Tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã khu vực III và ấp, khóm đặc biệt khó khăn; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; ưu tiên bố trí vốn xây dựng hoàn thành các công trình cơ sở hạ tầng thuộc địa bàn xã khu vực III đã hoàn thiện thủ tục đầu tư.



4. Đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật; tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán; tránh thất thoát và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

#### **Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình.

#### **Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn**

1. Tổng số vốn phân bổ cho huyện, thành phố thứ  $k$  ( $T_k$ ) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án, nội dung thứ  $i$  ( $V_{k,i}$ ) của huyện, thành phố đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó,  $i$  là dự án, tiểu dự án, nội dung thứ  $i$  ( $i = \overline{1, n}$ );  $k$  là huyện, thành phố thứ  $k$  ( $k = \overline{1, 9}$ ).

2. Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ theo địa bàn các huyện, thành phố ( $k$ ) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình ( $i$ ):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

$V_{k,i}$ : Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án, nội dung thứ  $i$  cho huyện, thành phố thứ  $k$ .

$X_{k,i}$ : Số điểm dự án, tiểu dự án, nội dung thứ  $i$  của huyện, thành phố thứ  $k$ .

$Q_i$ : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án, nội dung thứ  $i$ .

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

$G_i$ : Vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho dự án, tiểu dự án, nội dung thứ  $i$ .

3. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước (vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn đối ứng của ngân sách tỉnh; trong đó, bao gồm cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các huyện, thành phố Cà Mau thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 7 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Hải**





**PHỤ LỤC I**

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 1:**

**Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**  
(Kèm theo Nghị quyết số **05** /2022/NQ-HĐND ngày **13** tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

**1. Phân bổ vốn đầu tư**

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố Cà Mau: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	0,4 x b
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	0,225 x c
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	30 x d
	<b>Tổng cộng</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025.

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp**

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố Cà Mau: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	0,1 x a
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	0,03 x b
	<b>Tổng cộng</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.



## PHỤ LỤC II

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2:**  
**Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**  
(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

### 1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố Cà Mau: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
3	Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm	5
	<b>Tổng cộng điểm</b>	<b>X<sub>k,i</sub></b>

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

### 2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	<b>Tổng cộng điểm</b>	<b>X<sub>k,i</sub></b>

Nguồn số liệu căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương, được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.





**PHỤ LỤC III**

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 3:  
Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh  
của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị  
(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)**

**1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố Cà Mau: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ	0,004	a	0,004 x a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	0,004	b	0,004 x b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	0,016	c	0,016 x c
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	0,1	d	0,1 x d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	0,3	đ	0,3 x đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	0,12	e	0,12 x e
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp đề nghị xây dựng vào Kế hoạch hiện Chương trình.



**2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp (hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư)

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung cho Ban Dân tộc không quá 09% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để chủ trì, phối hợp xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Phân bổ cho các huyện, thành phố Cà Mau: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
<b>I</b>	<b>Nhóm tiêu chí cơ bản</b>			<b><math>A_{k,i}</math></b>
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	28	a	$28 \times a$
2	Mỗi ấp, khóm đặc biệt khó khăn (ĐBKK) không thuộc xã khu vực III ( <i>Số ấp, khóm ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 ấp, khóm/xã</i> )	5	b	$5 \times b$
<b>II</b>	<b>Nhóm tiêu chí ưu tiên</b>			<b><math>B_{k,i}</math></b>
3	Xã ĐBKK đồng thời là xã an toàn khu (ATK)	2	c	$2 \times c$
4	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	d	$0,15 \times d$
	<b>Tổng cộng điểm (I) + (II)</b>			<b><math>X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}</math></b>

Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã an toàn khu (ATK) được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; ấp, khóm ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.





**PHỤ LỤC IV**

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 4:**

**Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**  
(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

**Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố Cà Mau (các địa phương có xã, ấp, khóm đặc biệt khó khăn): Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
<b>I</b>	<b>Nhóm tiêu chí cơ bản</b>			<b>A<sub>k,i</sub></b>
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), hoàn thành mục tiêu Chương trình 135)	90	b	90 x b
3	Mỗi ấp, khóm ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số ấp, khóm ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 ấp, khóm/xã ngoài khu vực III)	15	c	15 x c
4	Cứ 1 km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	d	16 x d
5	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	đ	40 x đ
6	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	e	8 x e
7	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số	44	g	44 x g
8	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số	8	h	8 x h
9	Cứ mỗi nhà hỏa táng điện	225	k	225 x k
10	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã xã khu vực III; ấp, khóm đặc biệt khó khăn	500	l	500 x l
11	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã khu vực III; ấp, khóm đặc biệt khó khăn	1.000	m	1.000 x m
<b>II</b>	<b>Nhóm tiêu chí ưu tiên</b>			<b>B<sub>k,i</sub></b>
12	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	10	n	10 x n



13	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	o	0,3 x o
	<b>Tổng cộng điểm (I) + (II)</b>			$X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; ấp, khóm ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg. Số liệu chợ, trạm y tế, công trình cầu giao thông kết nối, hạ tầng lưới điện căn cứ số liệu báo cáo rà soát theo tình hình thực tế của các địa phương được tổng hợp vào Kế hoạch thực hiện Chương trình.

## 2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Không.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố Cà Mau:

Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
<b>I</b>	<b>Nhóm tiêu chí cơ bản</b>			$A_{k,i}$
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I ( <i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i> )	8	b	8 x b
3	Mỗi ấp, khóm ĐBKK không thuộc xã khu vực III ( <i>Số ấp, khóm ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 ấp, khóm/xã ngoài khu vực III</i> )	1,8	c	1,8 x c
4	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	d	2,5 x d
5	Cứ mỗi nhà hỏa táng điện	225	đ	225 x đ
<b>II</b>	<b>Nhóm tiêu chí ưu tiên</b>			$B_{k,i}$
5	Xã ĐBKK đồng thời là xã ATK	1	e	1 x e
6	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	g	0,03 x g
	<b>Tổng cộng điểm (I) + (II)</b>			$X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; ấp, khóm ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg. Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo căn cứ số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương.





## PHỤ LỤC V

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 5:  
Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**  
(Kèm theo Nghị quyết số *05* /2022/NQ-HĐND ngày *13* tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

**1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ 100% vốn cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao làm Chủ đầu tư để thực hiện Tiểu dự án theo danh mục đầu tư công.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo để chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

**2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số**

2.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Ban Dân tộc để chủ trì tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

**3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số**

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ 100% vốn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

**4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

4.1. Phân bổ vốn vốn đầu tư: Không.

4.2 Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Ban Dân tộc để chủ trì tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

---





**PHỤ LỤC VI**

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 6:**

**Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

*(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**1. Phân bổ vốn đầu tư**

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ 100% vốn cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao làm Chủ đầu tư để thực hiện Dự án theo danh mục đầu tư công.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp**

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Dân tộc áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
I	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			$A_{k,i}$
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho toàn tỉnh	10	a	$10 \times a$
2	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	b	$0,6 \times b$
3	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian...)	2	c	$2 \times c$
4	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	d	$0,5 \times d$
5	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	đ	$20 \times đ$
6	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	e	$10 \times e$



7	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	g	3 x g
8	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	k	5 x k
<b>II Ban Dân tộc</b>				<b>B<sub>k,i</sub></b>
9	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	h	50 x h
10	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hóa truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số...)	3,5	l	3,5 x l
11	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	m	0,3 x m
12	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hóa tại các ấp, khóm vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	n	0,3 x n
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b>X<sub>k,i</sub> = A<sub>k,i</sub> + B<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, e...) căn cứ nhu cầu thực tế của từng địa phương được tổng hợp trong Kế hoạch thực hiện Chương trình.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.



## PHỤ LỤC VII

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 7:  
Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc  
thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

### 1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ 100% vốn cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao làm Chủ đầu tư để thực hiện Dự án theo danh mục đầu tư công.

b) Phân bổ cho các huyện, thành phố Cà Mau: Không

### 2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ cho Sở Y tế không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện, thành phố Cà Mau: Phân bổ vốn sự nghiệp còn lại cho các địa phương theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	<b>Tổng cộng</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

Xã khu vực I, II, III được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).





**PHỤ LỤC VIII**

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 8:  
Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với  
phụ nữ và trẻ em**

*(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**1. Phân bổ vốn đầu tư:** Không.

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp:**

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung dự án trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

---



**PHỤ LỤC IX**

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 9:  
Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người  
và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**

*(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết  
thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.
  2. Phân bổ vốn sự nghiệp:
    - a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Ban Dân tộc để chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung dự án trên địa bàn tỉnh.
    - b) Phân bổ cho các địa phương: Không.
-





## PHỤ LỤC X

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 10:**  
**Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình**

1.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Ban Dân tộc để chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung dự án trên địa bàn tỉnh.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

**2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

2.1. Phân bổ vốn đầu tư:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông để chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh:

- Phân bổ 50% vốn cho Ban Dân tộc để tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Phân bổ 20% vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện các hoạt động truyền thông, hướng dẫn thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin.

- Phân bổ 30% vốn cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh để thực hiện Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

**3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình**

3.1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

3.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn cho sở, ngành cấp tỉnh: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Ban Dân tộc để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung dự án trên địa bàn tỉnh.

b) Phân bổ cho các địa phương: Không.

---